

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29-8-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Duy Đô

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Nguyễn Ngọc Minh;

2- Ông Hoàng Văn Yên.

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên tòa Bà Diên Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 162/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D 27 tuổi

Địa chỉ: Thôn G Th- xã VT- huyện B- tỉnh L;

Bị đơn: Anh Phạm Tuấn V 34 tuổi

Địa chỉ: Thôn B R- xã Tr- huyện L- tỉnh Y.

Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03-7-2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh Phạm Tuấn V kết hôn tháng 6 năm 2017 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn lại tại UBND xã Tr- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn được mấy tháng thì ấ sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V có quan hệ tình cảm với người khác, không chăm lo cho gia đình dẫn đến hay xảy ra cãi vã thậm chí có hành vi bạo lực. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm, chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Thời gian chung sống vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, vợ chồng chị không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn là anh Phạm Tuấn V trình bày cơ bản như lời khai của chị Nguyễn Thị D. Theo anh nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng

không có tiếng nói chung, chị D hay chơi bời nên kinh tế gia đình bị thất thoát. Xác định tình cảm vợ chồng không còn anh đồng ý ly hôn. Thời gian chung sống anh và chị D không có con chung, không có tài sản chung, công nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phớt lờ ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; điểm a khoản 2 điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phạm Tuấn V. Chị D và anh V mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Tuấn V là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; bị đơn có địa chỉ thường trú tại xã Trúc Lâm- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Tuấn V kết hôn năm 2017, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Theo lời khai của các đương sự cho thấy do nhiều nguyên nhân nên trong những năm qua vợ chồng chị D- anh V không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau; hai người đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết, anh Phạm Tuấn V có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; bản thân anh cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm và nhất trí

ly hôn. Xét thấy sự thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội cần ghi nhận.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên việc giải quyết không đặt ra.

[5] Về án phí Trước khi mở phiên tòa các đương sự thuận tình ly hôn nên cả chị D và anh V mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Tuấn V.

2- Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm a khoản 2 điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Chị Nguyễn Thị D và anh Phạm Tuấn V mỗi người phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí ly hôn.

Xác nhận chị D đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2023/0001895 ngày 03-7-2024, số tiền chị D còn được hoàn lại là 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*)

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã Trú Lâu;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô